TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 09/6/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Lộc
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2022, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lâm Sô P, sinh năm 1992; (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.
- Bị đơn: Chị Triệu Thị Kim T, sinh năm 1994; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2022 (BL09) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lâm Sô P trình bày: Vào năm 2014, anh Lâm Sô P kết hôn với chị Triệu Thị Kim T, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/10/2015. Sau cưới, hai vợ chồng sống chung với cha mẹ anh P ở Số nhà 413 ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung là Lâm Triệu Gia M (nữ) sinh ngày 04/3/2015. Đến thời gian gần đây, chị T không quan tâm đến gia đình, bỏ con đi ăn nhậu và hiện nay đã trốn nhà đi

theo người khác.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Nay anh P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh Lâm Sô P yêu cầu được ly hôn với chị Triệu Thị Kim T. Về con chung: Tùy theo nguyện vọng của cháu Lâm Triệu Gia M muốn sống với ai thì người đó nuôi, nếu sống với cha thì anh P đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh P yêu cầu chị Triệu Thị Kim T cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cấp dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T, nhưng chị T không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh P, đồng thời chị T cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh P được ly hôn với chị T, giao con chung là cháu Lâm Triệu Gia M (nữ) sinh ngày 04/3/2015 cho anh P nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu M nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu M có nguyện vọng sống với cha. Về cấp dưỡng nuôi con, buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho chị T, nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh P, chị T theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Sô P nhận thấy hôn nhân của anh P và chị T là tự tìm hiểu và đến với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2015. Quan hệ hôn nhân của anh P và chị T không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Anh P nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với chị T nên có nguyện vọng ly hôn. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh P được ly hôn với chị T.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau anh P và chị T có 01 người con chung tên Lâm Triệu Gia M (nữ) sinh ngày 04/3/2015 hiện đang do anh P nuôi dưỡng, anh Phép yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu M nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu M có nguyện vọng sống với cha. Để đảm bảo cuộc sống của cháu Lâm Triệu Gia M (nữ) sinh ngày 04/3/2015 không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu M cho anh P nuôi dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh P khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh P khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Anh P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27. Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâm Sô P đối với bị đơn chị Triệu Thị Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Sô P được ly hôn với chị Triệu Thị Kim T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lâm Triệu Gia M (nữ) sinh ngày 04/3/2015 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi M đủ 18 tuổi.

Buộc chị Triệu Thị Kim T phải cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Triệu Gia M (nữ) sinh ngày 04/3/2015 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Triệu Gia M của anh Lâm Sô P thì anh P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Anh P khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Anh P khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Anh Lâm Sô P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0002307, ngày 21/02/2022 của Chi cục T hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh P đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Chị Triệu Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 của Luật T hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được T hành án dân

sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật T hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật T hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- UBND xã H, TX VC;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng